

Số: /GPMT-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “đầu tư xây dựng nhà khám chữa bệnh và điều trị chất lượng cao 11 tầng” tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “đầu tư xây dựng nhà khám chữa bệnh 11 tầng số 2” tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 05/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết “nhà khám chữa bệnh 7 tầng số 3” của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ, tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “đầu tư xây dựng Trung tâm Ung bướu và Trung tâm đột quỵ” tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ tại Văn bản số 538/BV-KSNK ngày 11 tháng 3 năm 2023 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 20/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ, địa chỉ trụ sở chính tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: xây dựng nhà khí y tế và di chuyển hệ thống ô xy lỏng, nâng cấp hệ thống ô xy trung tâm; cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế quy mô 1.500 giường bệnh thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: Quyết định số 1506/QĐ-TCCB ngày 22/11/1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Phú Thọ.

1.4. Mã số thuế: 2600377322.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: tổng diện tích: 29.914,7m², trong đó: nhà A (Tòa nhà hành chính - Khám bệnh) diện tích 1.278m²; nhà B (Trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao) diện tích 1.110m²; nhà C (Tòa nhà đa trung tâm) diện tích 1.000m²; nhà D (Tòa nhà điều trị nội khoa) diện tích 1.250m²; nhà E (Tòa nhà điều trị ngoại khoa) diện tích 1.350m²; nhà F (Trung tâm ung bướu và Trung tâm đột quỵ) diện tích 899,3m²; nhà H (Khoa Bệnh nhiệt đới) diện tích 890m²; nhà L (Nhà xạ trị trực thuộc Trung tâm Ung bướu) diện tích 230m²; nhà K (Khoa dinh dưỡng tiết chế - nhà ăn - căng tin) diện tích 500m²; nhà I (Nhà giặt là) diện tích 250m² và các công trình phụ trợ (Nhà tang lễ, nhà để xe, khu xử lý nước thải, lưu giữ chất thải rắn, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh, trạm biến áp, máy phát điện dự phòng, nhà khí y tế...) tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm C (theo tiêu chí phân loại dự án Luật Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm III theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 1.500 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và các thủ tục pháp lý khác theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Các sở: TN&MT, Y tế;
- CVP, các PCVP;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 3
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm, nước thải lau sàn của tòa nhà A, B, C, D, E, F, H, K, I.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ xí tiêu, xí bệt của tòa nhà A, B, C, D, E, F, H, K, I.
- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn của tòa nhà K.
- Nguồn số 04: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà giặt của tòa nhà I.
- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Bệnh viện của tòa nhà A, B, C, D, E, F, H.
- Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ xí tiêu, xí bệt của khoa xạ trị, y học hạt nhân tại nhà F.
- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm, nước thải lau sàn của khoa xạ trị, y học hạt nhân tại nhà F.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 1 dòng nước thải là nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung của thành phố, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2359129; Y: 566665 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 850 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24h).
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
4	COD	mg/l	50		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
7	TSS	mg/l	50		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
9	PO ₄ ³⁻ _P	mg/l	6		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		
13	Samonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
16	Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân như tắm, rửa, lau sàn được thu gom, tách rác bằng song chắn rác, sau đó theo đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ bể xí tiêu, xí bệt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom, dẫn về bể tự hoại, sau đó theo đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nhà giặt được thu gom bằng đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Bệnh viện được thu gom bằng đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ bể xí tiêu, xí bệt của khoa xạ trị, y học hạt nhân

được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 1 bể tự hoại (dát chì) cùng với nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, rửa, lau sàn... của khoa xạ trị, y học hạt nhân dẫn vào 1 bể lắng cặn (dát chì), sau đó tiếp tục đưa về hệ thống 3 bể chứa (dát chì, nước thải sau khi đầy ở mỗi bể được tự động khoá lại để lưu chứa đảm bảo đủ chu kỳ bán rã theo quy định về quản lý chất thải phóng xạ và quy định về năng lượng nguyên tử). Nước thải sau đó theo đường ống PVC D200, D250 và cống BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt cột A, hệ số K = 1,0 theo QCVN28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, sau đó theo đường ống cống BTCT D300, chiều dài 50m xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố tại phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

- + 15 bể tự hoại (tổng thể tích 450m³).
- + 1 bể tự hoại (dát chì, thể tích 17,74m³).
- + 1 bể lắng cặn (dát chì, thể tích 18,77 m³).
- + 3 bể lưu chứa (dát chì, gồm: 1 bể thể tích 177,45m³; 1 bể thể tích 190,9 m³; 1 bể thể tích 131,1m³).

+ 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày đêm gồm các bể xử lý thể tích lần lượt: bể gom (113,09m³), bể điều hòa (249,9m³), bể kỵ khí (gồm 2 ngăn: 69,04 m³/ngăn), bể thiếu khí (gồm 2 ngăn: 101,75 m³/ngăn), bể hiếu khí (gồm 2 ngăn: 145,64 m³/ngăn), cụm 6 bể AO mới (29,43 m³/bể), 1 bể AO cũ được cải tạo (37,5m³), bể lắng (134,23m³), bể khử trùng (16,23m³), bồn lọc áp lực (2 bồn: 4,42 m³/bồn), bể chứa bùn (9,03m³), bể sự cố (262,08m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Nước thải → bể gom → bể điều hòa → bể kỵ khí → 2 modul hoạt động song song (cụm 6 bể AO mới + 1 bể AO cũ được cải tạo) và (bể thiếu khí → bể hiếu khí) → bể lắng → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → hệ thống thoát nước chung của thành phố (hệ thống có 1 bể chứa bùn, 1 hệ thống ép bùn, 1 bể sự cố).

- Công suất thiết kế: 850 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clo.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

b) Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại phần A Phụ lục này: nước thải được bơm trở lại bể sự cố, bể thu gom, bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải:

+ Do chất diệt khuẩn cao ảnh hưởng đến hệ vi sinh, nước được bơm về các bể điều hòa để lưu giữ, điều chỉnh tốc độ bơm, đồng thời, cán bộ vận hành ngưng nạp tải, chạy nội tuần hoàn cho cụm bể vi sinh, tuần hoàn pha loãng để giảm độc tố, bổ sung men vi sinh kỵ khí và hiếu khí để phục hồi sinh khối bùn, sau khi khắc phục, tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

+ Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế.

+ Trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng, tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm hỏng, vệ sinh bơm, công tắc phao khi bị nghẹt.

+ Trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm nước thải chưa xử lý từ bể sự cố về bể thu gom, bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Bệnh viện sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ các bể chứa nước thải về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 6 tháng, bắt đầu từ ngày 30/9/2024, kết thúc ngày 31/3/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 850 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải đầu vào.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Bệnh viện phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình thi công, cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung, phải đảm bảo không ảnh hưởng tới hoạt động khám, chữa bệnh và các đối tượng xung quanh, nước thải phải được thu gom, xử lý, giám sát đảm bảo chất lượng trước khi xả thải theo đúng quy định.

3.3. Thu gom, quản lý nước thải phát sinh từ khu xạ trị theo đúng yêu cầu, quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

3.4. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.5. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Bệnh viện theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; thực hiện quan trắc định kỳ đã đề xuất, được cấp phép, trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 3
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: hoạt động của khu vực máy phát điện dự phòng 1 (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 02: hoạt động của khu vực máy phát điện dự phòng 2 (khi máy hoạt động).
- Nguồn số 03: hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 04: hoạt động phương tiện giao thông ra vào Bệnh viện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ: X: 2359037, Y: 566496.
- Nguồn số 02: tọa độ: X: 2359063, Y: 566632.
- Nguồn số 03: tọa độ đại diện: X: 2359019, Y: 566545.
- Nguồn số 04: tọa độ đại diện: X: 2358970, Y: 566566.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45' múi chiều 3⁰):

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.
- Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng. Thiết kế, lắp đặt vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng đặt máy phát điện; lắp vật liệu chống rung đối với máy phát điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 3
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Chủng loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	199.700
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	3.000
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	1.000
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	50
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	200
6	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	100
7	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	50
8	Pin ắc quy thải	16 01 12	50
9	Chất thải hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50
Tổng cộng			204.200

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao gồm: chất thải là vật liệu giấy, chất thải là vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào...), các chai, lon nước giải khát, các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ... 103.000 kg/năm; bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: 6.300 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 927.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải phóng xạ:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm: hộp kháng thủng, xô, thùng màu vàng có nắp đậy, dung tích 5 lít, 15 lít, 20 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít, 660 lít.

- Chất thải không lây nhiễm: xô, thùng màu đen có nắp đậy, dung tích 15 lít, 20 lít, 120 lít, 240 lít, 660 lít.

b) Kho lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải lây nhiễm: diện tích 22,3m².

- Kho lưu giữ chất thải không lây nhiễm: diện tích 13,8m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho lưu chứa có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có cửa, có biển báo, biển cảnh báo, có mái che kín; được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải phóng xạ:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Xô, thùng có nắp đậy màu trắng, dung tích 5 lít, 15 lít, 20 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít, 660 lít.

b) Khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường: diện tích 67,27m².

- Kho lưu giữ chất thải phóng xạ: 2 kho lưu chứa tạm thời, diện tích 3,8 m²/kho (lưu giữ đảm bảo đủ chu kỳ bán rã theo quy định về quản lý chất thải phóng xạ và quy định về năng lượng nguyên tử).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kho lưu chứa chất thải rắn thông thường có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có biển báo, có mái che kín.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Xô, thùng có nắp đậy màu xanh, dung tích 5 lít, 15 lít, 20 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít, 660 lít.

b) Khu vực lưu chứa:

- Bố trí thùng chứa tại các khu vực phù hợp và chuyển về khu vực lưu chứa diện tích 55,6m².

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường; các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 20/2021/TT- BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải phóng xạ theo quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và các yêu cầu, quy định khác về năng lượng nguyên tử.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố hóa chất, tràn dầu, bức xạ, phóng xạ, dịch bệnh và các sự cố khác theo quy định của pháp luật Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, các quy định về năng lượng nguyên tử và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, dịch bệnh, phóng xạ và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

4. Bảo đảm an toàn bức xạ đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, thuốc phóng xạ sử dụng trong y tế; phòng đặt thiết bị bức xạ, phòng làm việc với nguồn phóng xạ và thuốc phóng xạ, phòng lưu người bệnh điều trị bằng phóng xạ (tiêm, truyền, uống thuốc phóng xạ hoặc cấy nguồn phóng xạ); vận hành thiết bị bức xạ; ứng phó sự cố bức xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKH-CN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2018/TT-BKH-CN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ), quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử và các quy định khác có liên quan./.

